



## BẢN TIN

Tháng 7- 8/2011

FRASERS

INTERNATIONAL LAWYERS

### Độc giả thân mến,

Hoan nghênh Quý độc giả đến với Bản Tin Pháp Luật số tháng 7/tháng 8 của chúng tôi. Qua bản tin này, chúng tôi xin chia sẻ với Quý vị về một số tiến triển của các quy phạm pháp luật vừa có hiệu lực vào nửa đầu năm nay. Các bài viết kỳ này tập trung vào các chủ đề sau:

- Nỗ lực của các cơ quan nhà nước hữu quan nhằm quản lý chặt chẽ hơn việc tuyển dụng lao động nước ngoài, đặc biệt trong trường hợp người lao động đó thực hiện các gói thầu hoặc dự án của nhà thầu nước ngoài đã trúng thầu tại Việt Nam;
- Cập nhật các quy định của pháp luật liên quan đến việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;
- Quy định mới của Bộ Tài Chính về việc sử dụng hóa đơn điện tử trong hoạt động bán hàng và cung ứng dịch vụ;
- Củng cố các quy định của pháp luật liên quan đến đăng ký hợp đồng và giao dịch bảo đảm.

Ngoài ra, trong phần chuyên đề pháp lý, chúng tôi cũng xin giới thiệu đến Quý độc giả một bài viết về hoạt động của các công ty dược nước ngoài tại Việt Nam và những rủi ro có thể xảy ra nếu hoạt động ngoài phạm vi cho phép của một văn phòng đại diện, trong bối cảnh vừa diễn ra đợt thanh tra của cơ quan Nhà Nước hữu quan trong lĩnh vực dược phẩm tại Thành Phố Hồ Chí Minh.

Cuối cùng chúng tôi xin gửi đến quý độc giả bảng mức lương tối thiểu mới do Chính phủ vừa ban hành, sẽ có hiệu lực kể từ ngày 5 tháng 10 năm 2011.

Chúng tôi tin rằng Quý độc giả sẽ tìm thấy nhiều điều thú vị trong ấn bản này và rất hoan nghênh các phản hồi hoặc thắc mắc của Quý vị. Mọi nhận xét của Quý vị, xin gửi về địa chỉ [newsletter@frasersvn.com](mailto:newsletter@frasersvn.com).

## QUY ĐỊNH MỚI VÀ CHẶT CHẼ HƠN VỀ QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI

Vào ngày 17 tháng 06 năm 2011, Chính Phủ đã ban hành Nghị Định 46/2011/NĐ-CP (**Nghị Định 46**) sửa đổi và bổ sung một số điều của Nghị Định 34/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam (**Nghị Định 34**). Nhìn chung, với sự gia tăng số lượng người nước ngoài vào Việt Nam làm việc, việc ban hành Nghị Định 46 nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý chặt chẽ hơn của Nhà Nước đối với lao động nước ngoài, cụ thể như sau:

### ***Người lao động nước ngoài thực hiện các gói thầu hoặc dự án của nhà thầu nước ngoài đã trúng thầu tại Việt Nam***

Một trong những quy định đáng chú ý nhất của Nghị Định 46 là một điều khoản hoàn toàn mới liên quan đến người nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các gói thầu hoặc dự án của nhà thầu nước ngoài đã trúng thầu tại Việt Nam. Theo đó, nhu cầu về nguồn nhân lực của dự án phải được thể hiện trong hồ sơ

mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu. Hơn nữa, người sử dụng lao động phải ưu tiên sử dụng người lao động Việt Nam thực hiện các công việc mà người lao động Việt Nam có khả năng thực hiện.

Trong trường hợp cần thiết phải sử dụng người nước ngoài có chuyên môn phù hợp với yêu cầu của gói thầu thì nhà thầu nước ngoài phải lập phương án sử dụng người lao động nước ngoài. Phương án này phải nêu rõ số lượng, vị trí công việc của người nước ngoài, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm cần thiết và thời gian thực hiện công việc.

Trong quá trình thực hiện dự án hoặc gói thầu, nhà thầu nước ngoài phải làm thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đề nghị cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài lao động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật trước khi người nước ngoài đến làm việc tại Việt Nam.

Đối với chế độ báo cáo và kiểm tra, theo Nghị Định 46, chủ đầu tư thực hiện dự án có nghĩa vụ báo cáo hằng quý cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh về tình hình tuyển dụng và quản lý người nước ngoài tại các nhà thầu nước ngoài là đối tác của chủ đầu tư. Hơn nữa, định kỳ hằng quý, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với cơ quan công an và các cơ quan hữu quan kiểm tra tình hình thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam đối với người nước ngoài làm việc tại các dự án, gói thầu do nhà thầu nước ngoài trúng thầu trên địa bàn.

***Mở rộng các trường hợp người nước ngoài làm việc ở Việt Nam không phải có giấy phép lao động***

Mặc dù quy định mới đã quy định chặt chẽ hơn đối với trường hợp người nước ngoài vào Việt Nam làm việc theo các gói thầu hoặc dự án qua đấu thầu, trong một số lĩnh vực khác, yêu cầu về giấy phép lao động lại được giảm nhẹ đi. Với mục đích đơn giản hóa thủ tục hành chính và phù hợp với cam kết gia nhập Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (**WTO**) của Việt Nam, Nghị Định 46 đã mở rộng thêm những trường hợp người nước ngoài làm việc ở Việt Nam không phải có giấy phép lao động, cụ thể bao gồm:

- người nước ngoài làm Trưởng Văn phòng đại diện, Trưởng Văn phòng dự án hoặc người nước ngoài được tổ chức phi chính phủ nước ngoài ủy nhiệm đại diện cho các hoạt động tại Việt Nam;
- người nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp, nhưng lưu ý là chỉ những doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi các ngành dịch vụ trong biểu cam kết dịch vụ của Việt Nam với WTO (bao gồm các dịch vụ về du lịch, giáo dục, giao thông vận tải, xây dựng, thông tin, phân phối, tài chính, kinh doanh, du lịch, văn hóa và giải trí);
- người nước ngoài vào Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn về chuyên môn và kỹ thuật hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác phục vụ cho công tác nghiên cứu, xây dựng, thẩm định, theo dõi đánh giá, quản lý và thực hiện chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) theo quy định hay thỏa thuận trong các điều ước quốc tế về ODA; và
- người nước ngoài đã được Bộ Ngoại Giao cấp giấy phép hoạt động thông tin, báo chí tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;

Ngoài ra, Thủ Tướng Chính Phủ có thẩm quyền xác định những trường hợp khác không được quy định trong Nghị Định 46.

## BẢN TIN

Tháng 7- 8/2011

FRASERS

INTERNATIONAL LAWYERS

Tuy nhiên, đối tượng là người nước ngoài là phu nhân, phu quân của những người được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao hoặc lãnh sự sẽ không còn được miễn giấy phép lao động như trước đây. Nếu họ muốn làm việc cho tổ chức Việt Nam, họ cần phải xin cấp giấy phép lao động, trừ khi thuộc một trong các trường hợp được miễn nêu trên.

### ***Rút ngắn thời gian cấp giấy phép lao động***

Nghị Định 46 đã rút ngắn thời hạn cấp giấy phép lao động trong một số trường hợp. Cụ thể hơn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã rút ngắn thời hạn cấp mới hoặc gia hạn giấy phép lao động từ mười lăm (15) ngày làm việc, như quy định trước đây tại Nghị Định 34 và các văn bản hướng dẫn thi hành tương ứng, giảm xuống còn mười (10) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Hơn nữa, thời hạn để cấp lại giấy phép lao động cũng được giảm từ mười lăm (15) ngày xuống còn ba (03) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Có thể nói đây là một bước tiến đáng kể trong việc rút ngắn thời gian xử lý để cấp giấy phép lao động. Chúng ta hãy cùng chờ xem liệu thời hạn theo quy định mới này có thể đạt được trong thực tế hay không.

### ***Bổ sung trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc đăng ký nhu cầu tuyển, sử dụng người nước ngoài***

Với mục đích tăng cường sự quản lý của các cơ quan Nhà Nước đối với người lao động nước ngoài, Nghị Định 46 đã bổ sung trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc đăng ký hằng năm về nhu cầu tuyển và sử dụng người nước ngoài, cụ thể bao gồm số lượng người lao động, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, mức lương, thời gian làm việc theo từng vị trí công việc với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Trong trường hợp có sự thay đổi nhu cầu sử dụng người nước ngoài, người sử dụng lao động phải đăng ký bổ sung nhu cầu tuyển và sử dụng người nước ngoài trước 30 ngày, kể từ ngày người sử dụng lao động thông báo nhu cầu tuyển người nước ngoài.

## LUẬT MỚI VỀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

Trong thời gian gần đây, các vi phạm đối với quyền lợi người tiêu dùng có chiều hướng gia tăng cả về số lượng và mức độ trong khi các quy định có liên quan vẫn còn nhiều bất cập và vướng mắc. Trên thực tế, ngày càng xuất hiện nhiều trường hợp vi phạm trong đó người tiêu dùng phải gánh chịu nhiều thiệt hại và tổn thất. Trước tình hình đó, vào ngày 17 tháng 11 năm 2010, Quốc Hội đã ban hành Luật số 59/2010/QH12 về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (**Luật BVQLNTD**), có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2011. Luật BVQLNTD đã thay thế văn bản trước đó là Pháp Lệnh số 13/1999/PL-UBTVQH10 về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (**Pháp Lệnh BVQLNTD**).

Nhìn chung, Luật BVQLNTD đã quy định những điều khoản đáng chú ý nhằm bảo vệ tốt hơn quyền lợi người tiêu dùng, cụ thể như sau:

***Hợp đồng giao kết với người tiêu dùng và điều kiện giao dịch chung***

Đối với việc giải thích hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, Luật BVQLNTD khẳng định rằng trong trường hợp có sự hiểu khác nhau về nội dung của hợp đồng thì tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp phải giải thích hợp đồng theo hướng có lợi cho người tiêu dùng. Ngoài ra, trước thực tế rằng nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực độc quyền Nhà Nước, đã áp đặt những điều khoản bất hợp lý và bất lợi trong giao dịch với người tiêu dùng, Luật BVQLNTD đã có khuynh hướng bảo vệ cho lợi ích của người tiêu dùng bằng việc giới hạn hiệu lực của một số điều khoản trong hợp đồng giao kết trực tiếp giữa người tiêu dùng và thương nhân hoặc trong các điều kiện giao dịch chung, theo đó, một điều khoản của hợp đồng (hoặc của điều kiện giao dịch chung) sẽ không có hiệu lực nếu có nội dung:

- loại trừ trách nhiệm của thương nhân theo quy định của pháp luật;
- hạn chế hoặc loại trừ quyền khiếu nại, khởi kiện của người tiêu dùng;
- cho phép thương nhân đơn phương thay đổi điều kiện của hợp đồng đã thỏa thuận trước với người tiêu dùng;
- cho phép thương nhân giải thích hợp đồng trong trường hợp điều khoản của hợp đồng được hiểu khác nhau; hoặc
- cho phép thương nhân chuyển giao quyền, nghĩa vụ cho bên thứ ba mà không được người tiêu dùng đồng ý.

Hơn nữa, trên thực tế, người tiêu dùng thường ở thế bất lợi khi tiến hành giao dịch với thương nhân theo hợp đồng mẫu hay điều kiện giao dịch chung chủ yếu bởi vì hợp đồng mẫu hoặc điều kiện giao dịch chung đó thường hàm chứa những điều khoản có lợi cho thương nhân. Để tạo thế cân bằng trong tình huống này, Luật BVQLNTD đã có những quy định yêu cầu thương nhân, trước khi giao dịch với người tiêu dùng, phải dành thời gian hợp lý để người tiêu dùng nghiên cứu hợp đồng hoặc phải thông báo công khai điều kiện giao dịch chung.

***Bảo vệ thông tin của người tiêu dùng***

Theo Luật BVQLNTD, thông tin của người tiêu dùng được bảo đảm an toàn. Những quy định mới đã hạn chế những trường hợp mà thông tin của người tiêu dùng bị cung cấp cho người khác mà không có sự chấp thuận trước của người tiêu dùng. Theo đó, bất kỳ sự chuyển giao thông tin nào của người tiêu dùng cho bên thứ ba chỉ có thể được thực hiện khi có sự đồng ý của người tiêu dùng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Nếu thương nhân muốn thu thập và sử dụng thông tin của người tiêu dùng, thương nhân đó phải thông báo rõ ràng, công khai trước khi thực hiện, phải được người tiêu dùng đồng ý và phải sử dụng thông tin phù hợp với mục đích đã thông báo. Ngoài ra, thương nhân phải đảm bảo độ an toàn, chính xác và đầy đủ khi thu thập, sử dụng, chuyển giao thông tin của người tiêu dùng. Trong trường hợp phát hiện thấy thông tin đó không chính xác, thương nhân có trách nhiệm tự mình hoặc có biện pháp để người tiêu dùng cập nhật, điều chỉnh thông tin.

## BẢN TIN

Tháng 7- 8/2011

FRASERS

INTERNATIONAL LAWYERS

### ***Hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của các tổ chức xã hội***

Luật BVQLNTD đã quy định chi tiết hơn về sự tham gia của các tổ chức xã hội trong việc bảo vệ người tiêu dùng. Cụ thể hơn, các tổ chức xã hội có thể đại diện cho người tiêu dùng trong tố tụng hoặc tự mình khởi kiện cũng như tiến hành các hoạt động tố tụng khác vì lợi ích công. Ngoài ra, khi một tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực hiện nhiệm vụ được cơ quan Nhà Nước giao, Nhà Nước sẽ hỗ trợ kinh phí và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật cho tổ chức xã hội.

### ***Đa dạng hóa các phương thức giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và thương nhân***

Hiện nay, tranh chấp giữa người tiêu dùng và thương nhân thường được giải quyết theo những quy định chung của luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, do những tranh chấp này thường có giá trị thấp, nhiều người tiêu dùng có quyền và lợi ích bị xâm phạm đã không đem vụ tranh chấp của họ ra giải quyết trước tòa án có thẩm quyền để tránh những thủ tục tố tụng phức tạp, tốn kém và mất nhiều thời gian. Để khắc phục trở ngại nêu trên, Luật BVQLNTD đã quy định khá chi tiết và rõ ràng bốn phương thức giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và thương nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ. Cụ thể là các phương thức: thương lượng, hòa giải, trọng tài và tòa án.

Đối với phương thức thương lượng, người tiêu dùng khi cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm có quyền gửi yêu cầu đến thương nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ để thương lượng, và thương nhân có trách nhiệm tiếp nhận, tiến hành thương lượng với người tiêu dùng trong thời hạn không quá bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Đối với phương thức giải quyết tranh chấp thông qua tòa án, *thủ tục tố tụng đơn giản* sẽ được áp dụng trong trường hợp người tiêu dùng là cá nhân khởi kiện thương nhân trực tiếp cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho mình, vụ án đơn giản, chứng cứ rõ ràng và có giá trị giao dịch dưới 100 triệu đồng. Tuy nhiên, và cũng khá ngạc nhiên là cho đến thời điểm hiện tại, *thủ tục tố tụng đơn giản* vẫn chưa được quy định trong luật tố tụng dân sự lần Luật BVQLNTD, do vậy, hiện tại vẫn còn nhiều điểm chưa rõ ràng. Những quy định mới cần được ban hành để tăng hiệu quả áp dụng của những quy định này và chúng tôi sẽ theo dõi và cập nhật kịp thời với quý độc giả những quy định của pháp luật liên quan đến thủ tục này.

Hơn nữa, trong vụ án dân sự về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, thương nhân có nghĩa vụ chứng minh mình không có lỗi gây ra thiệt hại, và người tiêu dùng khởi kiện sẽ không phải nộp tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Tóm lại, Luật BVQLNTD đã có những quy định chi tiết hơn, có khả năng áp dụng trong thực tiễn cao hơn so với những quy định trước đây, và do đó có khả năng bảo vệ tốt hơn quyền lợi của người tiêu dùng so với Pháp Lệnh BVQLNTD. Luật BVQLNTD là một bước tiến đáng kể trong hoạt động bảo vệ người tiêu dùng và cũng có thể sẽ đánh dấu một bước đệm cho một giai đoạn mới của một thị trường công bằng hơn cho người tiêu dùng cũng như cho thương nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ. Tuy nhiên, để những quy định của Luật BVQLNTD mang tính khả thi hơn trong thực tế, một cơ chế trách nhiệm rõ ràng, một sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng và các tổ chức xã hội, cũng như sự thực thi hiệu quả các quy định của pháp luật, là điều vô cùng cần thiết.

## BẢN TIN

Tháng 7- 8/2011

FRASERS

INTERNATIONAL LAWYERS

### ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG VÀ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM

Ngày 16 tháng 02 năm 2011, Bộ Tư Pháp đã ban hành Thông Tư 05/2011/TT/BTP (**Thông Tư 05**) hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng mua trả chậm, trả dần có bảo lưu quyền sở hữu của bên bán, hợp đồng thuê tài sản, hợp đồng cho thuê tài chính, hợp đồng chuyển giao quyền đòi nợ. Thông Tư 05 còn hướng dẫn về việc thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, cung cấp thông tin về tài sản kê biên được thực hiện theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại các Trung Tâm Đăng Ký Giao Dịch, Tài Sản của Cục Đăng Ký Quốc Gia Giao Dịch Bảo Đảm thuộc Bộ Tư Pháp (**Trung Tâm Đăng Ký**).

Thông Tư 05 có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2011, hướng dẫn việc thi hành Nghị Định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm (**Nghị Định 83**) và thay thế các Thông Tư sau đây:

- Thông Tư số 06/2006/TT-BTP ngày 28/09/2006 hướng việc đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm tại Trung Tâm Đăng Ký (Thông Tư 06);
- Thông Tư số 03/2007/TT-BTP ngày 17/05/2007 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông Tư số 06;
- Thông Tư số 04/2007/TT-BTP ngày 17/05/2007 hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin về hợp đồng mua trả chậm, trả dần, hợp đồng thuê tài sản, hồ sơ cho thuê tài chính và hợp đồng chuyển giao quyền đòi nợ (Thông Tư 04); và
- Thông Tư số 07/2007/TT-BTP ngày 09/10/2007 hướng dẫn về thông báo việc kê biên tài sản thi hành án và cung cấp thông tin về tài sản kê biên tại các Trung Tâm Đăng Ký (Thông Tư 07).

Nhằm đơn giản hóa việc thực hiện những quy định trên, Thông Tư 05 đã tổng hợp các hướng dẫn liên quan vào một văn bản pháp lý thống nhất. Kế thừa các quy định cũ, Thông Tư 05 quy định thống nhất các hướng dẫn về đăng ký và cung cấp thông tin các giao dịch đăng ký tại Trung Tâm Đăng Ký. Ngoài ra, dựa trên thực tiễn áp dụng các quy định trước đây, Thông Tư 05 cũng quy định nhiều điều khoản chi tiết cho việc thi hành trên thực tế.

#### **Các quy định quan trọng không thay đổi**

Thông Tư 05 giữ lại nhiều điều khoản quan trọng trong những quy định trước đây. Thứ nhất, về các loại hợp đồng thuộc trường hợp đăng ký, tương tự như quy định tại Thông Tư 04, bao gồm:

- hợp đồng mua trả chậm, trả dần có bảo lưu quyền sở hữu của bên bán;
- hợp đồng thuê tài sản có thời hạn từ một năm trở lên;
- hợp đồng cho thuê tài chính; và
- hợp đồng chuyển giao quyền đòi nợ.

## BẢN TIN

### Tháng 7- 8/2011



Tuy nhiên không phải tất cả các loại hợp đồng nêu trên đều bắt buộc phải đăng ký, mà chỉ một số loại, tùy thuộc vào các quy định pháp luật chuyên ngành. Chẳng hạn như, các hợp đồng cho thuê tài chính bị bắt buộc đăng ký theo quy định pháp luật về cho thuê tài chính. Tuy nhiên, việc đăng ký giao dịch bảo đảm sẽ mang lại lợi ích nhất định, đặc biệt trong trường hợp xét hiệu lực của việc bảo đảm đối với bên thứ ba. Chẳng hạn như, nói một cách cụ thể, việc đăng ký hợp đồng với Trung Tâm Đăng Ký có thể tạo ra sự ưu tiên trong thanh toán đối với các bên liên quan trong hợp đồng. Vì vậy, dù việc đăng ký là không bắt buộc trong tất cả các loại hợp đồng nhưng nó sẽ mang lại lợi thế cho các bên, nhất là bên nhận bảo đảm.

Về việc đăng ký giao dịch bảo đảm, cũng như Thông Tư 06, Thông Tư 05 quy định các loại giao dịch bảo đảm (trừ bảo lãnh và tín chấp) thuộc trường hợp đăng ký bao gồm:

- thế chấp tài sản, bao gồm cả thế chấp tài sản hình thành trong tương lai, cầm cố tài sản, đặt cọc, ký cược, ký quỹ;
- thay đổi, sửa chữa sai sót, xóa đăng ký giao dịch bảo đảm; và
- văn bản thông báo việc xử lý tài sản bảo đảm đối với giao dịch bảo đảm đã đăng ký.

Theo Nghị Định 83, chỉ các giao dịch thế chấp quyền sử dụng đất, thế chấp rừng sản xuất là rừng trồng, cầm cố tàu bay, thế chấp tàu biển, tàu bay thuộc đối tượng giao dịch bảo đảm bắt buộc đăng ký. Tuy nhiên, để có được quyền ưu tiên thanh toán trong các trường hợp vi phạm cam kết, tất cả các giao dịch bảo đảm được khuyến khích nên đăng ký với Trung Tâm Đăng Ký.

Theo Thông Tư 05, chấp hành viên phải thông báo cho Trung Tâm Đăng Ký khi ra quyết định kê biên đối với 11 loại tài sản quy định tại Thông Tư 05, trừ các trường hợp sau:

- tài sản kê biên đã được giao cho cá nhân, tổ chức có điều kiện bảo quản hoặc đã được bảo quản tại kho của Cơ quan thi hành án; hoặc
- tổng giá trị tài sản theo quyết định kê biên dưới 30 tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định.

So với Thông Tư 07, Thông Tư 05 đã bổ sung một số loại tài sản mà việc kê biên cần phải thông báo với Trung Tâm Đăng Ký như: tiền Việt Nam, ngoại tệ; lợi tức, quyền được nhận số tiền bảo hiểm đối với tài sản bảo đảm hoặc các lợi ích khác thu được từ tài sản bảo đảm và các tài sản gắn liền với đất không thuộc thẩm quyền đăng ký của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Ngoài ra, Thông Tư 05 còn nâng tổng giá trị tài sản theo quyết định kê biên cần thông báo với Trung Tâm Đăng Ký từ 10 tháng lương đến 30 tháng lương tối thiểu.

#### **Những quy định mới**

Thông Tư 05 đặc biệt hướng dẫn thi hành quy định về thời hạn có hiệu lực của đăng ký giao dịch bảo đảm quy định trong Nghị Định 83. Theo Thông Tư 05, trường hợp các giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên đã được đăng ký, thông báo trước ngày Nghị Định số 83 có hiệu lực thi hành và đến ngày 09/9/2010 (ngày có hiệu lực thi hành của Nghị Định 83) vẫn còn hiệu lực, thì tổ chức, cá nhân

## BẢN TIN

Tháng 7- 8/2011

FRASERS

INTERNATIONAL LAWYERS

không phải thực hiện đăng ký, thông báo gia hạn, mà việc đăng ký, thông báo đương nhiên có hiệu lực cho đến khi tổ chức, cá nhân nộp đơn yêu cầu xóa đăng ký, văn bản yêu cầu xóa thông báo theo quy định. Việc đăng ký trước đây theo Nghị Định 08/2000/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2000 về đăng ký giao dịch bảo đảm chỉ có giá trị trong 5 năm nhưng có thể được gia hạn nhiều lần, mỗi lần 5 năm. Tuy nhiên, theo Nghị Định 83, việc đăng ký này sẽ luôn có giá trị cho đến khi xóa đăng ký.

Thời điểm đăng ký là một thay đổi quan trọng khác của Thông Tư 05. Thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án là thời điểm nội dung đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, văn bản thông báo việc kê biên tài sản thi hành án được nhập vào cơ sở dữ liệu; không phải thời điểm Trung Tâm Đăng Ký nhận được yêu cầu đăng ký như quy định tại Thông Tư 06. Quy định mới này rõ ràng đã làm tăng thời gian để việc đăng ký có hiệu lực và cũng có thể trì hoãn việc đăng ký nếu có bất cứ vấn đề kỹ thuật nào xảy ra với hệ thống cơ sở dữ liệu, chưa kể đến các lỗi chủ quan như thất lạc đơn đăng ký hoặc xử lý hồ sơ chậm. Những bên có được lợi ích từ giao dịch bảo đảm nên lưu ý đến việc thi hành những quy định mới này để nắm rõ quá trình thực hiện trên thực tế.

Thông Tư 05 còn hướng dẫn chi tiết về thủ tục hoàn thành đơn yêu cầu đăng ký qua quy định về ký đơn yêu cầu. Theo đó, Thông Tư 05 phân biệt rõ các trường hợp đơn yêu cầu đăng ký phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của tổ chức, cá nhân là các bên liên quan đăng ký và trường hợp đơn yêu cầu đăng ký chỉ cần chữ ký, con dấu (nếu có) của một trong các bên tham gia giao dịch bảo đảm, hợp đồng hoặc người được một trong các bên này ủy quyền.

Cuối cùng, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung Tâm Đăng Ký trong tương lai, Thông Tư 05 còn quy định nhiều điều khoản chi tiết hơn về trình tự và thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm, đăng ký hợp đồng và thông báo kê biên tài sản, cũng như các quy định về cung cấp thông tin về giao dịch, hợp đồng và tài sản kê biên.

## QUY ĐỊNH MỚI VỀ PHÁT HÀNH HÓA ĐƠN VÀ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Vào ngày 08 tháng 02 năm 2011, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông Tư 13/2011/TT-BTC (**Thông Tư 13**). Với mục đích sửa đổi Điều 6 của Thông Tư 153/2010/TT-BTC (**Thông Tư 153**), Thông Tư 13 tập trung đưa ra các quy định về hoá đơn sử dụng trong việc bán hàng hoá và cung ứng dịch vụ.

Mặc dầu cả TT153 lẫn Thông Tư 13 đều quy định các tiêu chuẩn áp dụng cho các doanh nghiệp tự in hoá đơn theo đúng quy định của pháp luật, nhưng khi so sánh với Thông Tư 153, Thông Tư 13 đánh dấu hai thay đổi lớn sau đây:

- doanh nghiệp được phép tự in hoá đơn giá trị gia tăng theo Thông Tư 13 khi có vốn điều lệ từ 1 tỷ đồng trở lên, thay vì là 5 tỷ đồng như quy định của Thông Tư 153; và
- doanh nghiệp chưa bị xử phạt vi phạm pháp luật về thuế hoặc đã bị xử phạt và đã chấp hành xử phạt vi phạm pháp luật về thuế mà tổng số tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế dưới 50 triệu đồng trong vòng 365 ngày tính liên tục từ ngày thông báo phát hành hoá đơn tự in lần đầu trở về trước, nay



## BẢN TIN

Tháng 7- 8/2011

FRASERS

INTERNATIONAL LAWYERS

cũng được phép tự in hoá đơn, thay cho mức tiền phạt tổng cộng là 20 triệu đồng như được quy định theo Thông Tư 153 trước đây.

Thông Tư 13 sẽ có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký, tức sẽ có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 03 năm 2011.

### **Hướng dẫn mới về tạo lập, phát hành và sử dụng hoá đơn điện tử cho hoạt động bán hàng và cung ứng dịch vụ**

Ngày 14 tháng 03 năm 2011, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông Tư 32/2011/TT-BTC hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hoá đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ (**Thông Tư 32**).

Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 05 năm 2011, Thông Tư 32 áp dụng cho các đối tượng sau:

- tổ chức, cá nhân lựa chọn sử dụng hóa đơn điện tử khi mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;
- tổ chức trung gian cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử (là tổ chức cung cấp giải pháp hỗ trợ việc khởi tạo, truyền, nhận, lưu trữ, phục hồi thông điệp dữ liệu của hóa đơn điện tử giữa người bán hàng và người mua hàng); và
- cơ quan quản lý thuế các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc khởi tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử.

Thông Tư 32 cũng liệt kê các điều kiện áp dụng với các đối tượng trong việc khởi tạo, phát hành và sử dụng hoá đơn điện tử và quy định các vấn đề khác liên quan đến tiêu chuẩn mẫu hoá đơn điện tử.

Như được Thông Tư 32 định nghĩa, hoá đơn điện tử là tập hợp các thông điệp dữ liệu điện tử về bán hàng, cung ứng dịch vụ, được khởi tạo, lập, gửi, nhận, lưu trữ và quản lý bằng phương tiện điện tử. Hóa đơn điện tử có giá trị pháp lý nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- có sự đảm bảo đủ tin cậy về tính toàn vẹn của thông tin chứa trong hóa đơn điện tử từ khi thông tin được tạo ra ở dạng cuối cùng là hóa đơn điện tử; và
- thông tin chứa trong hóa đơn điện tử có thể truy cập, sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết.

Đáng chú ý, người bán hàng hóa, dịch vụ được chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hoá hữu hình trong quá trình lưu thông và chỉ được chuyển đổi một (01) lần cho mỗi hoá đơn. Mặc dù quy định này mang ý nghĩa điều chỉnh số lượng hoá đơn trong lưu thông, song chưa rõ liệu bản sao của các hoá đơn giấy được chuyển đổi từ hoá đơn điện tử sang có giá trị hay không. Ngoài ra, người bán và người mua cũng có thể chuyển đổi hoá đơn điện tử sang hoá đơn giấy để phục vụ việc lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định của Luật Kế toán. Trong cả hai trường hợp, hoá đơn điện tử được chuyển đổi sang hoá đơn giấy phải thoả mãn đủ một số yêu cầu, chẳng hạn:

- phản ánh toàn vẹn nội dung của hóa đơn điện tử gốc;
- có ký hiệu riêng xác nhận đã được chuyển đổi từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy; và

## BẢN TIN

Tháng 7- 8/2011

FRASERS

INTERNATIONAL LAWYERS

- có chữ ký và họ tên của người thực hiện chuyển từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy.

Cũng cần phải lưu ý rằng các hoá đơn giấy này phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của người bán và dấu của người bán. Trong thực tiễn, khi pháp luật đưa ra các yêu cầu về hình thức khá nghiêm ngặt, có lẽ trong thực tế, sẽ có rất ít trường hợp hoá đơn điện tử được chuyển sang hoá đơn giấy.

## HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY DƯỢC NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

### *Văn phòng đại diện của công ty dược đa quốc gia*

Trong thời điểm hiện tại, các cơ quan chức năng của Thành Phố Hồ Chí Minh vừa tiến hành thanh tra về hoạt động của các văn phòng đại diện (VPĐD) của các công ty dược nước ngoài.

Điều đó có thể làm phát sinh câu hỏi về việc một VPĐD có thể thực hiện cũng như không thể thực hiện những hoạt động gì trong ngành dược Việt Nam.

Theo quy định chung của pháp luật Việt Nam hiện hành, việc tiến hành hoạt động kinh doanh của VPĐD của một thương nhân nước ngoài tại Việt Nam phải chịu một số hạn chế nhất định.

Đầu tiên, Điều 16 Nghị Định 72/2006/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 25 tháng 07 năm 2006 quy định chi tiết Luật Thương Mại về VPĐD, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (**Nghị Định 72**) quy định rằng phạm vi hoạt động của VPĐD đại diện cho thương nhân nước ngoài bị giới hạn trong những hoạt động sau:

- thực hiện chức năng văn phòng liên lạc;
- xúc tiến xây dựng các dự án hợp tác của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;
- nghiên cứu thị trường để thúc đẩy cơ hội mua bán hàng hoá, cung ứng và tiêu dùng dịch vụ thương mại của thương nhân nước ngoài mà mình đại diện;
- theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các hợp đồng mà thương nhân nước ngoài đã ký kết với các đối tác Việt Nam hoặc liên quan đến thị trường Việt Nam; và
- các hoạt động khác mà pháp luật Việt Nam cho phép.

Thứ hai, Luật Thương Mại quy định rằng VPĐD không được phép tiến hành hoạt động kinh doanh với mục đích thu lợi nhuận.

Tuy nhiên, mặc dù có những hạn chế trên, người đứng đầu VPĐD vẫn có thể ký hợp đồng với đối tác Việt Nam thay mặt cho thương nhân nước ngoài với điều kiện là người đó được ủy quyền hợp lệ bởi thương nhân nước ngoài bằng một văn bản ủy quyền. VPĐD cũng có thể mở tài khoản ngân hàng tại Việt Nam, mua các vật dụng văn phòng và ký kết các hợp đồng lao động với cả lao động Việt Nam và lao động nước ngoài.

**BẢN TIN**

Tháng 7- 8/2011

**FRASERS**

INTERNATIONAL LAWYERS

Vẫn còn một số điểm chưa rõ ràng giữa hoạt động của một VPĐD và hoạt động của một công ty phân phối nước ngoài tại Việt Nam, đặc biệt là khi VPĐD tiếp thị sản phẩm thay mặt cho công ty mẹ và trưởng VPĐD (người mà có thể giữ một chức vụ nào đó ở công ty mẹ) đại diện cho công ty mẹ trong phạm vi được ủy quyền. Công ty được có vốn nước ngoài chắc chắn không phải là công ty nước ngoài duy nhất vướng phải bất cập với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam về việc sử dụng sai tư cách của một VPĐD và thực hiện việc kinh doanh từ việc này. Tuy nhiên, do lĩnh vực dược phẩm vẫn là một lĩnh vực nhạy cảm tại Việt Nam, VPĐD của các công ty dược nước ngoài phải chịu sự giám sát chặt chẽ của cơ quan nhà nước Việt Nam và phải thận trọng trong hoạt động của mình để tránh phải chịu bất cứ hình thức chế tài nào từ các cơ quan hữu quan.

***Hoạt động mua bán và phân phối của các doanh nghiệp dược có vốn đầu tư nước ngoài***

Khi gia nhập Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (**WTO**) vào năm 2007, Việt Nam cam kết sẽ mở rộng quyền mua bán các sản phẩm dược phẩm. Căn cứ theo Nghị Định 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Chính Phủ quy định chi tiết luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (**Nghị Định 23**) và Quyết Định 10/2007/QĐ-BTM ngày 21 tháng 05 năm 2007 công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán và phân phối hàng hoá (**Quyết Định 10**), kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2009, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thể nhập khẩu một số sản phẩm dược phẩm theo quy định tại Phụ Lục 2 của Quyết Định 10. Tuy nhiên, việc nhập khẩu sản phẩm dược phẩm còn phải theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Y Tế/Cục Quản Lý Dược (**BYT**). Cụ thể hơn, Thông Tư 47/2010/TT-BYT ngày 29 tháng 11 năm 2010 hướng dẫn hoạt động nhập khẩu và xuất khẩu sản phẩm dược phẩm quy định rằng hoạt động nhập khẩu và xuất khẩu sản phẩm dược phẩm của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không phục vụ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp) sẽ được BYT hướng dẫn tại văn bản khác. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, BYT vẫn chưa ban hành bất kỳ hướng dẫn nào như vậy, và điều đó có thể đã cản trở việc nhập khẩu và xuất khẩu sản phẩm dược phẩm của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong thực tế.

Theo pháp luật hiện hành, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép phân phối sản phẩm dược phẩm mà sản phẩm đó được nhập khẩu để phân phối hoặc được sản xuất bởi các công ty dược phẩm được thành lập tại Việt Nam khác (ngoại trừ các sản phẩm bổ dưỡng phi dược phẩm dưới dạng viên nén, viên con nhộng hoặc bột và các sản phẩm dược phẩm khác (theo mã HS 2005)).

**TIN ĐẶC BIỆT: TĂNG MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU TRÊN KHẮP CẢ NƯỚC**

Thủ Tướng chính phủ vừa ban hành Nghị Định 70/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2011 (**Nghị Định 70**) quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động.

Được ban hành sớm hơn mong đợi, Nghị Định 70 này gia tăng đáng kể các mức lương, nhưng không phân biệt giữa doanh nghiệp trong nước hay nước ngoài khi quy định mức lương tối thiểu cho người lao động theo vùng. Bên dưới là bản mức lương tối thiểu mới:

## BẢN TIN

Tháng 7- 8/2011



Vùng	Mức lương mới (Đồng Việt Nam)
Vùng I	2.000.000
Vùng II	1.780.000
Vùng III	1.550.000
Vùng IV	1.400.000

Nghị Định 70 còn quy định thêm rằng mức tiền lương thấp nhất trả cho người lao động đã qua học nghề phải được trả cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng.

Nghị Định 70 sẽ có hiệu lực kể từ ngày 5 tháng 10 năm 2011.